TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 17/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Tô Thị Bích Hồng;
2. Ông Trần Hữu Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 33/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/QĐST-DS ngày 19/4/2019 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn:
Bà Đỗ Thị S và ông Lê Văn T; cùng địa chỉ: Số nhà 04, ngách 7, ngõ 26, tổ 6, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T là Đỗ Thị S; địa chỉ: Số nhà 04, ngách 7, ngõ 26, tổ 6, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 17/8/2017), có mặt.
2. Bị đơn:
Bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M, anh Phạm Thế M1; cùng địa chỉ: Tổ 6, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đỗ Thị S trình bày có nội dung:

Do có mối quan hệ quen biết là hàng xóm và tin tưởng nhau, nên vợ chồng chúng tôi có cho ông Phạm Cẩm D vay tiền hai lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vào ngày 23/6/2014 vay số tiền 43.000.000đ, ông D viết giấy nhận và hẹn trả vào ngày 25/6, nhưng ông D chưa trả. Sau đó đến ngày 06/7/2015 ông D

lại vay tiếp vợ chồng tôi số tiền 790.000.000đ để kinh doanh làm ăn, khi nào chúng tôi cần thì hoàn trả. Tổng hai lần vay là 833.000.000đ, ông D đều viết giấy và ký nhận đầy đủ. Đến khi vợ chồng tôi cần tiền yêu cầu trả tiền thì vợ chồng ông D nói để đợi gia đình ông được đền bù đất ở khu Đồi Sắn thì sẽ trả. Nhưng không may đến ngày 11/02/2016 ông Phạm Cẩm D chết, sau khi ông D chết, vợ chồng tôi xuống nói chuyện với vợ ông D là bà Nguyễn Thị O, thì bà O nói cứ về đi để bà bàn với các cháu. Sau đó chúng tôi thấy gia đình nhà bà O đã lĩnh tiền đền bù, chúng tôi xuống đòi tiền thì bà O nói ông D chết rồi không biết, nên không trả.

Cho nên, chúng tôi khởi kiện bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 (Là vợ và các con của ông D) hiện là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hai khoản vay trên tổng số tiền là 833.000.000đ (tám trăm ba mươi ba triệu đồng), không yêu cầu phải trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 không hợp tác, không trình bày ý kiến, quan điểm, từ chối không nhận các văn bản tố tụng của của Tòa án.

Theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 02/2018/QĐ-CCTLCC ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông Triều đã cung cấp hồ sơ và các tài liệu liên quan đến bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 đã nhận tiền bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất của ông Phạm Cẩm D và bà Nguyễn Thị O tại khu Đồi Sắn, thuộc khu Vĩnh Phú, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, cụ thể nhận ngày 25/3/2016 số tiền là 610.093.000đ và nhận ngày 12/5/2016 số tiền là 134.496.000đ. Ngoài ra ông D và bà O còn có tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích 201m2 tại khu V, phường M, thị xã Đ, tài sản trên đất là nhà mái bằng, nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T ngày 10/11/2008.

Theo kết quả xác minh ông Phạm Cẩm D chết ngày 11/02/2016 theo Trích lục khai tử số: 03/TLKT-BS ngày 04/01/2018. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Cẩm D gồm: Vợ là bà Nguyễn Thị O, các con là Phạm Thế M, Phạm Thế M1, bố đẻ ông Phạm Văn T (chết ngày 24/6/2015) và mẹ đẻ bà Vũ Thị N (chết năm 2009).

Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã quyết định trưng cầu giám định số: 08/2018/QĐ-TCGĐ ngày 30/5/2018 đối với chữ ký và chữ viết của ông Phạm Cẩm D các giấy vay tiền ngày 23/6/2014 và ngày 06/7/2015 với chữ ký và chữ viết của ông Phạm Cẩm D tại đơn đề nghị mặt sau có xác nhận của Ủy ban nhân

dân phường Mạo Khê ngày 15/12/2015 do Tòa án thu thập theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản kết luận giám định số: 166/C54-P5 ngày 10/8/2018 của Viện khoa học hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Cẩm D trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết Phạm Cẩm D trên mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị S giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện, yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền là 833.000.0000đ, không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuy nhiên vụ án còn để quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn không có mặt tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả các nguyên đơn số tiền 833.000.000đ (Tám trăm ba mươi ba triệu đồng) trong phạm vi di sản của ông D để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều nhận định:

[2]. *Về trình tự thủ tố tụng:*

Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh thụ lý vụ án dân sự số: 33/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, cho nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn*:

Các nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 (Là vợ và các con của ông D) là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Cẩm D. Ông Phạm Cẩm D có tài sản chung với bà Nguyễn Thị O là nhà và đất tại khu Đ, thuộc khu V, phường M, thị xã Đ bị thu hồi, đang làm thủ tục giải phóng mặt bằng và nhận tiền bồi thường tổng số

tiền là 744.589.000đ. Sau khi ông D chết, bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 đã nhận tiền bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng số tiền là 610.093.000đ vào ngày 25/3/2016 và nhận tiếp số tiền là 134.496.000đ vào ngày 12/5/2016. Ngoài ra ông D và bà O còn có tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích 201m2 tại khu Vĩnh Hòa phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tài sản trên đất là nhà mái bằng, nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị T ngày 10/11/2008. Tài sản là nhà và đất này chưa chia di sản thừa kế, hiện do bà O và các anh Nguyễn Thế M và Nguyễn Thế M1 quản lý và sử dụng. Bà O và các anh Nguyễn Thế M và Nguyễn Thế M1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của những người thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện các bị đơn là bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản của ông Phạm Cẩm D theo quy định tại khoản 3 Điều 68 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. *Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:*

Đối với giấy vay nợ ngày 23/6/2014 thể hiện nội dung: Tôi có vay của cô S số tiền 43.000.000đ, hẹn đến ngày 25/6 tôi trả số tiền trên.

Đối với giấy vay tiền ngày 06/7/2015 thể hiện nội dung: Tôi Phạm Cẩm D vay của anh T và cô S số tiền 790.000.000đ, để kinh doanh làm ăn, khi nào anh T hoặc chị S cần tôi sẽ hoàn trả số tiền trên.

Các nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền gốc theo các giấy vay tiền, giao dịch dân sự này phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, cho nên áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Căn cứ vào các giấy vay tiền do các nguyên đơn cung cấp và các tài liệu về chữ ký và chữ viết của ông Phạm Cẩm D do Tòa án thu thập, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Phạm Cẩm D. Tại bản kết luận giám định số: 166/C54-P5 ngày 10/8/2018 của Viện khoa học hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Cẩm D trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết Phạm Cẩm D trên mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký và viết ra. Vì vậy có đủ cơ sở xác định các giấy vay tiền là do ông Phạm Cẩm D viết và ký tên.

Giấy vay nợ ngày 23/6/2014 thể hiện nội dung: Vay của cô S số tiền 43.000.000đ, hẹn đến ngày 25/6 tôi trả số tiền trên, nhưng chưa trả thì tiếp tục đến ngày 06/7/2015 lại cho vay tiếp thể hiện nội dung: Tôi Phạm Cẩm D vay của anh T và cô S số tiền 790.000.000đ, để kinh doanh làm ăn, khi nào anh T hoặc chị S cần tôi hoàn trả số tiền trên. Các thỏa thuận trên là tự nguyện và phù

hợp với các quy định về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cho nên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi bà S và ông T yêu cầu. Vì ông Phạm Cẩm D chết ngày 11/02/2016 mà chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cho nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 là những người hưởng thừa kế phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả tổng số nợ là 833.000.000đ cho bà S và ông T trong phạm vi di sản của ông Phạm Cẩm D để lại theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 613, Điều 614, khoản 1, 2 Điều 615 và Điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. *Về chi phí tố tụng và án phí:*

Nguyên đơn bà Đỗ Thị S đã nộp 5.000.000đ tạm ứng chi phí giám định, số tiền này vừa đủ chi phí giám định, nhưng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định, cho nên các bị đơn không phải chịu chi phí giám định.

Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận, nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn các bị đơn bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 357, Điều 463, Điều 466 và 468, Điều 613, Điều 614, khoản 1, 2 Điều 615 và Điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 68, khoản 1 Điều 74, Điều 28, Điều 35, Điều 161, Điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi khiện của các nguyên đơn bà Đỗ Thị S và ông Lê Văn T.

Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Đỗ Thị S và ông Lê Văn T số tiền 833.000.000đ (Tám trăm ba mươi ba triệu đồng) trong phạm vi di sản của ông Phạm Cẩm D để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

Bà Đỗ Thị S tự nguyện chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền chi phí giám định (đã nộp đủ).

Các bị đơn bà Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M1 phải chịu 36.990.000đ (Ba mươi sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Đỗ Thị S 18.495.000đ (Mười tám triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007225 ngày 01/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

3. Về quyền kháng cáo:

Các nguyên đơn bà Đỗ Thị S và ông Lê Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị đơn Nguyễn Thị O, anh Phạm Thế M và anh Phạm Thế M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND thị xã Đông Triều;
-Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
-TAND tỉnh Quảng Ninh;
-Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Nam